

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

.....

Bản án số: **12 /2020/DS-ST**

Ngày 07 tháng 9 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà Vương Thị Thu.

2. Ông Kiều Công Ích.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Khắc Bằng** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Chu Xuân L**, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Ông **Vũ Văn T**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn ông Chu Xuân L trình bày:**

Ông và ông Vũ Văn T là chỗ hàng xóm, có quan hệ quen biết. Năm 2016, ông T đến nhà ông nói chuyện con gái sinh con, có nhu cầu chuyển đổi làm ăn chăn nuôi. Biết ông có ít vốn phòng khi tuổi già nên ông T xin vay ông 100.000.000đ, trả lãi 1%/tháng, thời hạn vay là 02 năm, cứ đến ngày 14 hàng tháng thì trả lãi. Ông đồng ý cho vay, ông T đã viết giấy vay nợ và có thể chấp với ông giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất tên bà Nguyễn Thị T - mẹ ông T. Đến hạn trả, ông T khát và xin mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị T để thế chấp vay ngân hàng trả tiền cho ông. Tin lời, ông đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị T cho ông T. Sau đó ông T không trả lãi, không trả gốc dù ông đã đòi nhiều lần. Nay ông đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả ông 100.000.000đ tiền gốc và tiền lãi 1%/tháng từ 15/4/2019 cho đến khi Tòa án xử xong. Tại phiên tòa ông nhất trí cho ông T trả nợ ông làm hai đợt: Đợt một trả 50.000.000đ tiền gốc và toàn bộ tiền lãi từ tháng 4/2019 đến khi xét xử ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; Đợt hai trả nốt 50.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh vào ngày 01/6/2021. Việc vay nợ giữa hai bên không có mặt của bà X - vợ ông T, bà X có biết việc vay nợ của ông T không thì ông không biết.

Bị đơn là ông Vũ Văn T trình bày: Ông thừa nhận có nợ ông L 100.000.000đ vào năm 2016, lãi xuất thỏa thuận là 1%/tháng. Đến ngày 14/12/2019 ông còn nợ lại của ông L 100.000.000đ tiền gốc và 8.000.000đ tiền lãi. Ông đã viết xác nhận nợ cho ông L ngày 14/12/2019. Do hoàn cảnh ông gặp khó khăn, hay đau ốm nên chưa trả được cho ông L. Ông xin được trả dần.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ông Vũ Văn T đã nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc. Vợ ông Tâm là bà Bùi Thị X cho rằng bà không biết việc ông T vay tiền của ông L và từ chối nhận để thông báo cho ông T các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải vụ án giữa ông L và ông T được.

Qua xác minh tại UBND xã Đ: Địa phương đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để giao cho ông T, nhưng ông T đi làm ăn, không thường xuyên có mặt ở nhà nên không thể giao cho ông T được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm về việc tuân thủ đúng quy định pháp luật của thẩm phán, thư ký, HĐXX. Nguyên đơn đã tuân thủ quy định pháp luật, bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Vũ Văn T phải trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông Vũ Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Vũ Văn T là bị đơn trong vụ án vắng mặt, mặc dù ông T đã được giao, Tòa án đã giao, niêm yết các văn bản của Tòa án như: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án

ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Vì thế Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T là hoàn toàn phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các lời khai của đương sự trong vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì tranh chấp phát sinh do ông T đã vay của ông L 100.000.000đ tiền gốc vào ngày 16/12/2016, thời hạn vay 02 năm, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị T - mẹ ông T. Khi đến hạn trả, ông T không trả. Khi ông L đòi, ông T đã viết văn bản xác nhận việc vay nợ với ông L, thừa nhận nợ lãi từ 15/4/2019. Ông T khát nợ, được ông L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị T - mẹ ông T vào ngày 14/12/2019. Sau đó ông L đã đòi nhiều lần nhưng ông T không trả được tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, ông L yêu cầu ông T trả cho ông số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi 1%/tháng tính từ 14/4/2019 đến khi xét xử là 16.800.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 116.800.000đ. Nhất trí cho ông T trả nợ ông làm hai đợt: Đợt một trả 50.000.000đ tiền gốc và toàn bộ tiền lãi từ tháng 4/2019 đến khi xét xử ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; Đợt hai trả nốt 50.000.000đ tiền gốc vào ngày 01/6/2021 và lãi phát sinh.

Việc ông L và ông T tự nguyện cho nhau vay tiền, được thể hiện bằng giấy vay tiền mặt đề ngày 16/12/2016, được ông T thừa nhận. Chính vì vậy xác định ông Chu Xuân L là người khởi kiện, ông Vũ Văn T là bị đơn là có căn cứ pháp lý, nhằm bảo đảm đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng đối với vụ án. Trong giấy vay tiền mặt ngày 16/12/2016 và giấy xác nhận nợ ngày 14/12/2019 có ghi tên bà Bùi Thị X - vợ ông T. Tuy nhiên cả hai văn bản trên không có chữ ký của bà X. Bà X không biết việc vay nợ giữa ông L và ông T nên không thể xác định bà X là đồng bị đơn hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Đề nghị của nguyên đơn là có căn cứ pháp lý vì việc vay nợ được ghi nhận trong giấy vay tiền, giấy xác nhận nợ. Ông Vũ Văn T đã biết việc ông L khởi kiện, đã thừa nhận có nợ ông L, nhưng cố tình không có mặt là trốn tránh nghĩa vụ. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông T cho rằng hoàn cảnh đang khó khăn, hay ốm đau và xin trả dần, ông L chấp nhận cho trả làm hai đợt. Yêu cầu của ông L đòi ông T trả lại 100.000.000đ tiền gốc và tính lãi 1%/tháng từ tháng 4/2019 đến khi xét xử là phù hợp, và chia làm hai đợt trả nợ được chấp nhận.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Vũ Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự ; Khoản 3 điều 26 , điểm a khoản 1 điều 35, điểm b khoản 2 điều 227, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Xuân L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định pháp luật.

Buộc ông Vũ Văn T phải trả lại cho ông Chu Xuân L số tiền nợ gốc theo giấy vay tiền mặt ngày 16/12/2016 và giấy xác nhận việc vay nợ ngày 14/12/2019 là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), tiền lãi 1%/tháng tính từ 15/4/2019 đến ngày 7/9/2020 là 16.800.000đ (*mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*). Tổng cả gốc và lãi là 116.800.000đ (*một trăm mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*).

Thời hạn trả nợ cụ thể được chia làm hai đợt:

Đợt một: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Vũ Văn T có nghĩa vụ trả 50,000,000đ (*năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và 16.800.000đ (*mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền lãi.

Đợt hai: Vào ngày 01/6/2021, ông Vũ Văn T có nghĩa vụ trả 50,000,000đ (*năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 07/9/2020 đến 01/6/2021 là 4.433.000đ.

*** Về án phí:**

- Ông Vũ Văn T phải chịu 6.061.000đ (*sáu triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ;

- Hoàn trả lại cho ông Chu Xuân L 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2019/0002124 ngày 12/5/2020.

Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Vũ Văn T còn phải trả cho ông Chu Xuân L tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu AV,HSV.A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Lệ Thanh